

1^{re} Edition

Giá : 0 \$ 50

INDO-CHINOIS

61

吟 婦 征

CHINH PHỤ NGÂM

Dịch theo bản cũ chữ nôm và giải điển ra từ đoạn

PAR

CAO-ĐÌNH-NAM

*Professeur d'Annamite
au Collège Chasseloup-Laubat*

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 6947

TOUS DROITS RÉSERVÉS

DÉPÔT LÉGAL

Tirage

Saigon le

1927



SAIGON

IMPRIMERIE NGUYEN-VAN-VIET

1927

Nom d'auteur Nam (Cao-dinh)

Titre de l'ouvrage Chinh-phu nam (Ho
d'une femme ~~de~~ de soldat)

Prix : 0 \$ 50

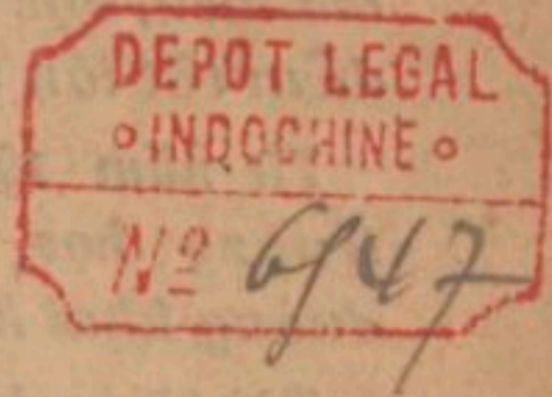
吟 婦 征

CHINH PHỤ-NGÂM

Dịch theo bản cũ chữ nôm và giải diễn tích ra từ đoạn



PAR



CAO-ĐÌNH-NAM

Professeur d'Annamite au Collège Chasseloup-Laubat

TOUS DROITS RÉSERVÉS



SAIGON

IMPRIMERIE J^h. NGUYEN-VAN-VIET

Décembre 1926

I W. Lh
61

5871293

TỰA

Nước ta là nước văn-hiến, từ khi ông Hàn-Thuyên đời nhà Trần, mượn chữ Hán làm ra chữ quốc văn. Về sau các nhà đại-văn-sĩ theo đó làm ra biết bao nhiêu văn-từ, ca-khúc, như: Truyện-Kiều, Huê-tiên Phan-Trần và các câu hát, văn tế v . . . v đều là tánh tình chơn chánh, văn chương tao nhã, có kèm chi văn thơ nhà Đường, nhà Tống. Chỉ vì lúc trước, nước ta chuyên trọng về khoa-cử mà khoa-cử chỉ chuyên trọng về chữ Hán, còn quốc văn thì cho là khinh, thường; nên những văn hay trên kia, vẫn có lưu truyền lại; nhưng ít người đọc, mà hiểu, đọc mà không hiểu thì rất vô ích. Điều đó là một việc khuyết điểm rất lớn về đường giáo dục.

Từ năm 1925, nhà-nước dùng quốc-văn vào chương trình các trường học, quốc dân ta mới biết quốc-văn là một cái lợi-khí về đường khai hóa.

Tôi tài sơ học thiếu (siên) lam sung vào phần dạy tiếng quốc-văn mỗi khi giảng thuyết cho học trò, thường gặp nhiều chỗ mắc mỏ, hoặc về văn-chương, hoặc về điển tích; nếu không tra cứu trước thì nhưt thời khó lòng mà thích đặng học trò dễ hiểu và tránh khỏi sự sai lầm.

Cuốn Chinh-phụ-ngâm này, nguyên-văn bằng chữ Hán của ông Đặng-trần-Côn, người làng Nhơn-mục, huyện Thanh-trì, về sau bà Đoàn-thị-Điểm người làng Trung-phủ, huyện Văn-giang thuộc tỉnh Hưng-Yên bây giờ, diễn ra quốc-văn.

Không nói, chắc ai cũng đã rõ bà là một bậc nữ văn-sĩ rất có tiếng nước ta.

Bản quốc-văn này theo nguyên-văn chữ Hán, dùng nhiều điển tích cao xa mà là văn-chương tánh tình tâm-lý, chớ không phải văn-chương đạo-dục-tăng-bi như các câu hát khác.

Nhân dịp nghỉ, tôi hết sức tra tìm và xét rõ mới được hiểu thấu. Bèn chú thích từ điển, diễn dịch từ câu, cho học trò dễ hiểu, may có bổ ích một vài phần trong buổi quốc-văn đương còn non nớt này chăng.



CHINH PHỤ-NGÂM

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi.

Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên.

Gió bụi.— (Phong trần) khi thái-bình cũng như lúc chiều trời êm ái ; khi loạn lạc cũng như lúc chiều trời gió bụi.

Má hồng.— Hồng nhan.

Truân chuyên.— Gian nan, long đong, vất vả.

Chú thích.— Khi thiên hạ rối loạn, chẳng những người đàn ông phải ra tung chinh đánh chịu khó nhọc ; người đàn bà cũng phải chịu nhiều nỗi long đong.

Xanh kia thăm thăm từng trên :

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

Xanh kia.— Trời xanh.

Thăm thăm.— Cao xa.

Chú thích.— Nỗi truân chuyên này vì ai gây dựng cho nên ? Trời xanh ở trên cao xa kia có thấu tình cho chăng ? (Bốn câu này nói tóm đại ý trong bài chinh phụ ngâm này.)

Trông trăng thành long lay bóng nguyệt,

Khói Cam-toàn mờ mịt thức mây.

Trăng thành.— Thành dài. Vua Thủy-hoàng nhà Tần đắp thành dài muôn dặm ở nơi giáp-giải để phòng giặc Hung-nô.

Khói.— Xưa có làm nơi đồn ải một cái lâu rất cao, gọi là (Phong-hỏa-đài), khi có giặc thì đốt lửa ở trên đài ấy báo tin cho các xứ khác biết, đem quân tới cứu.

Cam-toàn.— Suối Cam-toàn.

Chú thích.— Trong khi ải quan có giặc, sát khi âm ầm, tiếng trống canh phòng, xao động đến bóng nguyệt; ngọn lửa cáo cấp, mờ mịt đến từng mây, tình trạng rất nên nguy cấp.

Chín lần gươm báu chông tay,

Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.

Chín lần.— (Cửu-trùng) Cung điện ông vua ở cao chín lần.

Gươm báu.— (Bửu kim) Thanh gươm quý.

Chông tay.— Chữ này có người viết là (trao tay) cũng có nghĩa; nhưng so với chữ « án kim » của nguyên văn chữ Hán thì không đúng. Nghĩa là đoạn này đương nói vua được tin có giặc, nổi giận, cầm gươm ngồi dậy, chớ có phải quan tướng đã phụng mạng đem quân đi đánh mà vua trao gươm cho đâu.

Hịch— Tờ hịch. Tờ mang lệnh bá cáo cho thiên hạ biết có giặc, và kể tội của quân giặc thế nào. Khi truyền tờ hịch đó, có đem theo một cái lông gà và một cục than tở ý phải nóng nảy và mau chóng.

Xuất chinh.— Đem quân đi đánh giặc.

Chú thích.— Thiên tử được tin có giặc, nổi giận, nửa đêm chông gươm ngồi dậy, truyền tờ hịch lập tức chọn ngày sai quan tướng đem quân đi đánh.

Nước thanh bình ba trăm năm cũ :

Áo nhung trao quan vũ từ đây.

Thanh bình.— Thái bình.

Áo nhung.— Áo mặc vào trận, làm thứ da dày dặng tránh tên đạn.

Chú thích.— Nước nhà thanh bình đã ba trăm năm nay, từ đây mới có giặc, mới phải dùng tới quan vũ.

*Sứ trời vội giục đường mây,
Phép công là nặng, niềm tây sá nào.*

Sứ trời.— Sách thiên-văn : Trên trời có vì sao sứ tinh, khi nhà vua có sai sứ thì vì sao đó xuất hiện.

Đường mây.— Chử dùng trong văn thơ cho được tao nhã.

Niềm tây.— Nỗi riêng, tình riêng.

Sá nào.— Bao quản, quản chi.

Chú thích.— Sau khi đã phụng mạng, phải vội vàng đi ngay, vì phép nước là trọng, còn dám nghĩ gì tới tình riêng nữa.

Đường dong ruổi lưng đeo cung tiễn.

Buổi tiễn đưa lòng vương thê noa.

Cung tiễn.— Cung tên nỏ.

Thê, noa.— Vợ con.

Ngọn cờ tiêng trông xa xa,

Sầu tuôn ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Ngọn ải.— Đầu núi nơi ải quan.

Chú thích.— Lưng đeo cung tiễn, sửa soạn ra đi, nhưng tình gia thất vẫn còn bận bịu, cái ngọn cờ tiêng, trống ở đường xa kéo đến đề rước tướng quân lên đường kia đã khời nổi oán từ cửa phòng mà tuôn mạch sầu nỡ ngọn ải vậy.

(Bốn câu này tả cảnh lúc quan tướng giã nhà ra đi.)

Chàng tuổi trẻ vôn dòng hào kiệt ;

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Hào kiệt.— Anh hùng.

Xếp bút nghiên.— Ông Ban-Siêu đời Hán, nhà nghèo, làm nghề viết mướn. Một hôm ông liệng bút mà than rằng : « Trượng-phu ở đời, nên theo nghề cung kim, đánh đồng dẹp bắc, lập nên công danh ; chớ theo nghề bút nghiên làm gì ? »

Chú thích.— Chàng đang còn tuổi trẻ mà có chí khí anh hùng, đã từng bỏ văn theo võ, đang mong lập công nghiệp.

Từ câu này tới câu gieo thái-san nhẹ tựa hồng mao » là người vợ thuật chí khí người chồng.

*Thành liên mong tiên bệ rồng,
Thước gươm quyết chí chẳng dong giặc trời.*

Bệ rồng.— Nơi cung điện vua ở, xây chín bậc thềm (bệ) có tô hình rồng châu.

Dong.— Dong tha.

Chú thích.— Mong đánh được thành liên muôn dặm, dưng trước bệ rồng, quyết chí cầm ba thước gươm, tiêu trừ quân giặc.

*Chí làm trai dặm ngàn da ngựa,
Gieo Thái san nhẹ tựa hồng mao.*

Da ngựa.— (Mã cách). Ông Mã-Viện đời Hán nói rằng : « Kẻ trượng-phu nếu đi đánh giặc, chết ở nơi chiến-trường, ấy da ngựa bọc thầy mới thỏa, lẽ nào đành chịu ở nhà mà chết trên tay vợ con. »

Thái san.— (Non Thái) Núi Thái-san là núi cao nhất trong thiên hạ thường dùng để nói một việc gì rất quan hệ to lớn như nói : (công cha như núi Thái-san) — (ơn cha mẹ nặng tựa non Thái).

Hồng mao.— Lông chim hồng là một thứ lông rất nhẹ. Thường dùng để nói việc gì rất nhẹ nhàng, khinh thường. Tánh mạng là trọng mà coi khinh thường, dẫu chết ngoài ngàn dặm lấy da ngựa bọc thầy cũng đành.

*Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.*

Chiến bào. — Áo mặc đi đánh giặc, áo giáp.

Thét roi. — Giục ngựa buông cương. Thét găm có vẻ oai nghiêm mạnh dữ.

Gió thu. — Mùa thu gió lạnh ghê người. Nhà làm văn hay dùng chữ (gió thu) để tả một việc gì có oai nghiêm đáng ghê, hay là tả cảnh sầu thảm cũng được, cũng như dùng chữ (gió xuân) để tả cảnh vui vẻ.

Chú thích. — Từ giã nhà ra đi đánh giặc, một tiếng thét roi ở cầu Vị mà có vẻ oai nghiêm lạnh lẽo như một trận gió thu làm cho người phải dùng mình lạnh gáy.

Từ câu này tới câu. — (Giáp mặt rời phút bông chia tay) tả cảnh lúc người vợ đưa chân chồng đi.

*Suôi dẫu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Trông chàng lòng dãn đặc buồn,
Lục khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.*

Dãn dặc. — Như một sợi dây dài không thể đứt được.

Lục. — Đường bộ (lục bộ)

Thủy. — Đường sông (Thủy đạo)

Chú thích. — Trông chàng mà lòng thiếp không thể nguôi được, chàng đi đường bộ, thì thiếp giận không được bằng con ngựa cùng chàng qua đèo xuống giốc; chàng đi đường thủy thì thiếp giận không được như cái thuyền cùng chàng lên thác xuống gành.

*Nước tuy chảy mà phiến chẳng tả,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*

Tả.— Xuôi, như giòng nước chảy xuôi.

Chú thích.— Nước chảy mà lòng thiếp không nguôi ; cỏ thơm mà lòng thiếp vẫn héo, người buồn cảnh có vui đâu.

*Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước giây giây lại dừng.*

Nhủ.— Dặn dò, bảo nhủ.
Giây giây.— Giây phút.

Chú thích.— Dặn một vài lời, lại cầm lấy tay, đi một vài bước lại dừng chân, tình quyến luyến kể sao cho xiết.

*Lòng thiếp tựa bóng trăng theo rồi,
Chàng lòng xa muôn dặm Thiên-san.*

Tựa.— Dường như.
Rồi.— Chiều, soi.

Thiên-san.— (Tên núi) Ông Tiết-nhơn-Quý đời đường đi đánh nước Cao-li, tới núi Thiên-san quân giặc đông lắm, Nhơn-Quý bắn ba phát tên, giết được ba ông tướng giặc, quân Cao-li sợ bỏ chạy.

Chú thích.— Lòng thiếp như mặt trăng theo rồi cùng chàng; mà lòng chàng chỉ trông mau tới Thiên-san dặng đẹp được giặc.

*Đặt rượu tiễn múa long-toàn,
Trỏ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.*

Long-toàn.— Tên cái gươm của ông tướng. Có ba thứ gươm quý : gươm của thiên-tử gọi là tử - điện ; gươm của ông đại - tướng gọi là Long - toàn ; gươm của viên thuộc tướng gọi là can tương.

Hang beo.— (Hồ huyết) hang hồ, hang hùm. Nơi-sào huyết của giặc là nơi nguy hiểm cũng như hang hồ Ông Ban-Siêu

đời Hán đi đánh Tây-Vực, vào tận nơi sào huyết của giặc, ông nói rằng: « không vào hang hổ sao bắt được con hổ. »

Chú thích.— Để chén rượu xuống mà hăng hái múa gươm long-toàn, còn ngang ngọn giáo trở vào sào huyết của giặc, quyết chí giết được giặc mới nghe.

*Săn Lâu-lan rằng theo giới-tử,
Tới Man-khê bàn sự Phục-ba.*

Lâu-lan.— Vua nước Lâu-lan thường đón đường giết quan sứ nhà Hán, về sau ông Giới-tử đánh giết được.

Man-khê.— Khê mừng. Vua Võ-đế nhà Hán sai Phục-ba tướng quân là Mã-viện đi đánh mừng Võ-lăng, mừng đó có năm cái khe nước rất độc.

Chú thích.— Mong được như Giới-tử chém vua Lâu-lan, Mã-viện bình giặc Man-khê mới thỏa chí nam nhi.

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

Ráng.— Ánh mặt trời.

*Tiếng nhạc ngựa, lâm chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.*

Phút bỗng.— Giây phút.

Chia tay.— (Phân thủ) Bắt tay rồi mỗi người đi mỗi nơi.

*Hà-lương chia rẽ đường này,
Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.*

Hà lương.— Bến sông.

Ngùi ngùi.— Ngậm ngùi buồn rầu.

Chú thích.— Cùng nhau chia rẽ ở bến hà-lương này, thiếp đứng bên đường trông bóng cờ mà ngậm ngùi buồn bã.

Từ câu này tới câu.— (Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai) nói người chồng đi đã xa rồi, vợ còn nhìn theo mà chưa nỡ trở về.

*Quân trước đã tới ngoài doanh liêu,
Kỵ sâu còn khuất nẻo Trường-dương.*

Doanh-liêu.— Tên trại lính. Ông Châu-á-Phu đi đánh giặc Hung-nô, đóng quân ở Doanh Tể-liêu.

Kỵ.— Lính kỵ-mã, lính cỡi ngựa.

Trường-dương.— Cung Trường-dương ở kinh đô nhà Tần.

Chú thích.— Câu này nói quân lính đông, kéo một đường dài mà chưa hết.

*Quân đưa chàng bước lên đường,
Liêu dương biết thiếp đoạn trường này chẳng.*

Liêu-dương.— Cây dương liễu trồng bên đường.

Đoạn trường.— Đứt ruột

Chú thích.— Quân đưa chàng lên đường mà thiếp đứng ở bên gốc cây dương liễu nhìn theo, không hay chàng có biết nỗi đoạn trường của thiếp chẳng?

*Tiếng địch thổi trông chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.*

Đồng vọng.— Văng vẳng.

Địch.— Kèn lính.

*Giấu chàng theo thức mây đưa,
Tiếp nhìn rặng núi ngàn ngơ nổi nhà.*

Rặng núi.— Ngàn núi

Chú thích.— Kể đi người ở, một bước một xa, trước còn trông thấy bóng cò, nghe thấu tiếng địch, về sau chỉ rông ngàn mây rặng núi mà ngẩn ngơ, không còn thấy ảnh hưởng gì nữa.

*Chàng thì đi côi xa mưa gió,
Thiếp thì về phòng cũ chiều chẵn.*

Chú thích.— Thôi từ đây chàng đi côi xa, thiếp về phòng cũ, chàng thì dãi gió dầm mưa, thiếp thì chẵn đơn gối chiếc.

*Đoái trông nhau đã cách ngàn,
Tuôn vừng mây bạc, trái ngàn non xanh.*

Đoái.— Ngảnh lại nhìn.

Chú thích.— Đoái trông nhau nhưng đã cách xa, chỉ thấy những non xanh, mây bạc.

*Chôn Hàm-kinh chàng còn ngảnh lại,
Bên Tiêu-tương thiếp hãy trông sang
Hàm-kinh.*— Kinh đô Hàm-dương.

Tiêu-tương.— (Tên sông) Cổ-thi : « Quán tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương cổ bất tương kiến, đồng âm Tương-giang thủy », nghĩa là chàng ở ngọn sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, trông nhau mà không thấy, cùng uống nước sông Tương.

Chú thích.— Người ngảnh lại, kẻ trông theo, không những thiếp nhớ chàng, mà chàng cũng nhớ thiếp.

*Khói Tiêu-tương cách Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mây trùng.*

Chú thích.— Chàng ở Hàm-dương trông thiếp, nhưng bị

khỏi Tiêu-tương cách trở ; thiếp ở Tiêu-tương trông chàng
nhưng lại bị cây Hàm-dương che lấp

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thây xanh xanh những mây ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu.
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.*

Chú thích.— Đôi ta đều trông nhau mà đều không thấy
nhau, chỉ thấy ngàn dâu xanh ngắt, cái nỗi thương nhớ
của đôi ta, chắc lòng chàng cũng như ý thiếp.

*Chàng từ đi vào nơi dặm cát,
Đêm trăng nẩy nghỉ mát phương nao.*

Chú thích.— Từ câu này trở xuống là người chồng đi đã
xa, vợ trở về nhà rồi, thương nhớ mà nghĩ nỗi khó nhọc
của người chồng-Đại ý chia ra làm hai đoạn.

1. *Từ câu.*— « Chàng từ khi vào nơi dặm cát » đến câu
« lòng nào là chẳng động lòng bi thương »

2. *Từ câu.*— « Chàng từ sang đông nam khỏi nẻo » đến
câu « nhưng nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.

*Xưa nay chiến địa dường bao,
Nội không muôn dặm xiết bao dải dâu.*

Chiến địa.— Nơi chiến-trường

Nội.— Đông nội

*Hơi gió thổi người râu mặt dạn,
Dòng nước sâu ngựa nắn chân ben.*

Nắn.— Sợ khiếp

Chôn.— Mỏi, ngại ngưng

*Ôm yên gôi trông đã chôn,
Năm vùng cát trắng ngủ cơn rêu xanh.*

*Nay Hán tới Bạch-thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.*

Bạch thành.— Thành Bạch-đăng, đất Hán giáp giải với Hồ.

Thanh-Hải.— Thành-Hải loan, đất Hồ giáp giải với Hán.

Chú thích.— Nay Hán xuống thành Bạch-đăng để giữ Hồ, mai Hồ vào Thanh-Hải-loan để dòm Hán, hai bên đều đóng quân ở giải địa để giữ.

*Hình khe thê núi xa xa,
Đứt thoi lại nổi thập ã lại cao.*

Chú thích.— Hình thế hiểm trở, hết núi này cao lại đến khe kia thấp. khe kia đứt lại đến núi kia liền.

*Sương đầu núi buổi chiều như gọi,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu
Não người áo giáp bấy lâu
Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây*

Não.— Áo não, phiền não đáng thương

Lòng quê.— Lòng thương nhớ quê hương

Chú thích.— Tình cảnh nguy hiểm như vậy, thương thay cho những người chinh-chiến qua đó, chắc đem lòng sầu não mà chạnh niềm nhớ tới quê nhà.

Trên trướng găm thâu hay chẳng nhẽ?

Mặt chinh phu ai vẽ cho nên.

Trướng găm.— Màn trướng của ông vua nắm làm bằng găm

Chú thích.— Chẳng hay vua có biết tới nơi niềm khó nhọc ấy cho không? Cái nét mặt phong trần của bọn chinh-phu khôn lấy bút mà vẽ hết được.

*Tưởng chàng dong ruổi mây niên,
Chẳng nơi hãn hải thi miên quan san*

Hãn hải.— biển

Quan-san.— núi

Chú thích.— Tưởng chừng lâu nay chàng dong ruổi ở ngoài cõi xa, chẳng nơi biển thẳm, cũng chốn non xanh, đã trải qua biết bao là nơi hiểm trở.

*Đã trắc trở đời ngàn xà, hồ,
Lại lạnh lũng những chỗ sương phong.*

Xà, hồ.— Rắn, hồ. Hãn hùm, nọc rắn.

Sương, phong.— Sương, gió.

Chú thích.— Đã trải qua những chỗ hiểm nghèo, hang hùm nọc rắn, lại những nơi lao khổ dãi gió dầm sương.

*Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.*

Mây lồng.— Đứng xa trông mây, thấy hình như lớp nọ lồng với lớp kia.

Bi thương.— Thương xót, buồn rầu.

Chú thích.— Lên núi cao mà trông về quê nhà đất cũ, chỉ thấy mây phong lớp lớp, dầu ai cũng phải động lòng bi thương.

Nghĩa lý cả đoạn này.— Từ khi chàng ra đi ở nơi cát lùm gió bụi, không biết đêm nay chàng ngủ ở đâu ? Nhưng thương ôi ! không đợi nói cũng đã rõ ! xưa nay những nơi chiến địa, đều la muôn dặm đồng không ; lúc đi đường thì gió lạnh người rầu, nước sâu ngựa nản ; lúc nằm ngủ thì ôm yên gối trống, bãi cát còn rêu. tình cảnh thì hiểm nghèo, nay Hãn xuống Bạch thành để giữ Hồ, mai Hồ vào Thanh-Hải để dòm Hãn ; non sông thì hiểm trở, hết núi này cao lại

đến khe kia thấp, hết núi này dứt lại đến khe kia liền ; những người chinh chiến đi qua đó, chắc là chạnh niềm quê cũ. Chẳng hay nhà vua có thấu tình chăng ? Cái nét mặt phong trần của bọn chinh phu kia, khôn lấy bút mà vẽ cho hết được. Mấy năm nay chàng ra đi, chắc cũng đã trải qua biết bao nhiêu nơi gành thác, bao nhiêu nơi hiểm nghèo, bao nhiêu nổi dầm mưa dãi nắng, lên núi cao mà trông về quê nhà đất cũ, khôn cảm được nỗi nhớ thương.

Chàng từ sang đông nam khơi nẻo.

Biết nay chàng tiên thác nơi nao ?

Tiến thảo.— Tấn quân lên đánh giặc.

Khơi nẻo.— Xa khơi.

Những người chinh chiến bấy lâu,

Nhẹ xem lánh mạng như màu cỏ cây.

Màu.— Chữ này đây nghĩa là dường như, không phải màu xanh, màu biếc.

Nức hơi mạnh ơn dày từ trước,

Trải chôn nghèo tuổi được bao nhiêu.

Nức hơi mạnh.— Khi hăm hở làm cho nổi máu nức hùng-hào.

Tả truyện.— Vua nước Sở đem quân đi đánh giặc, gặp khi trời lạnh lắm, vua đi tuần trong quân, đem lời an ủi, quân sĩ cảm động đều hăm hở, trở nên ấm nức, như mặc mấy lần áo mền.

Nghèo.— Hiểm nghèo.

Chú thích.— Cảm ơn cơm nặng áo dày nên phải đem nhiệt thành đối với nước, trải qua những nơi hiểm nghèo làm vậy thì còn sống được bao nhiêu nữa !

*Non kỳ quanh nẻo trăng treo,
Sông Phi gió thổi diu hiu mây gò.*

Non kỳ.— Ông Hoắc-khử-Bênh đời Hán có công đánh thắng giặc ở núi kỳ-liên để làm kỷ-niệm.

Sông Phi.— Người Bồ-Kiên nước Tần đem trăm vạn quân đi đánh Tấn ở sông Phi thủy bị thua, quân mười phần chết đến tám chín phần.

Gò.— Cồn gò, má.

Chú thích.— Xưa nay những người đi đánh giặc, mấy kẻ được sống mà về, kia má Non-Kỳ bóng trăng quanh cõi, nọ mồ Sông Phi gió thổi hiu hiu, ai là người thăm viếng.

*Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng rọi rọi soi.*

Tử sĩ.— Người chết trận.

*Chinh phu tử sĩ mây người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.*

Mặc.— Vẽ lại, họa lại

Chú thích.— Hồn tử-sĩ phát phơ ngọn gió, ai kẻ gọi hồn ; mặt chinh-phu soi rọi bóng trăng, ai người mặc mặt.

*Dâu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhơn qua đó chạnh thương.*

Hành nhơn.— Người đi đường.

Chú thích.— Kẻ hành nhơn đi qua những chỗ chiến trường đó, trông thấy nước non cảnh cũ, binh lửa dấu xưa, chạnh niềm cảm động cho kẻ trước lại thương cho nỗi mình.

*Phận trai già ruỗi chiến trường,
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.*

Chiến trường.— Nơi đánh giặc.

Chàng Siêu.— Ban - Siêu đời Hán, làm tướng đi đánh Tây-Vực, khi đi về thì đầu đã bạc.

Chú thích.— Phận làm trai dong ruổi ở nơi chiến trường, từ trẻ đến già, kìa như chàng Ban-Siêu đi đánh Tây-Vực về thì đầu đã bạc.

*Tướng chàng trải nhiều bề năng nổ,
Ba thước gươm một cổ nhung yên.*

Năng nổ.— Khó nhọc

Nhung yên.— Yên ngựa

*Xông pha gió bãi giăng ngàn,
Tên treo đầu ngựa, pháo vang mặt thành.*

Pháo.— Hoả pháo, súng.

Chú thích.— Đầu ngựa tên treo, mặt thành pháo nổ, đã qua những sự xuất sanh nhập tử như vậy.

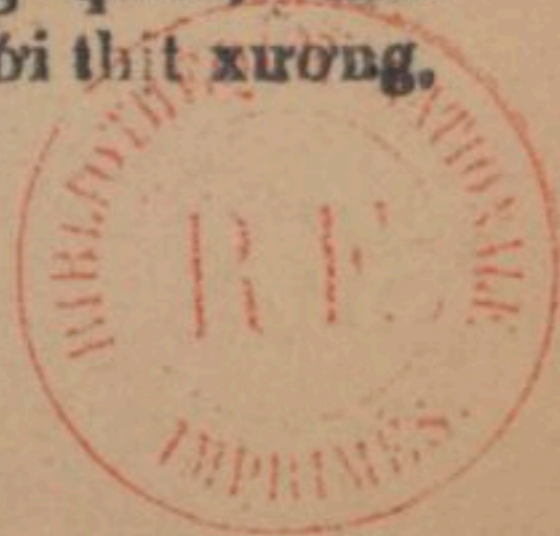
*Áng công-danh trăm đường đồn dã,
Những nhọc nhằn nào đã nghĩ ngơi.*

Áng.— Trường, đường.

Đồn dã.— Nòng nẩy.

Chú thích.— Cũng vì hai chữ công-danh, nên phải trăm đường đồn dã, chỉ thấy những sự nhọc nhằn, chưa được nghĩ ngơi chút nào.

Đoạn này đối với đoạn trên.— Từ khi chàng qua đống nam tới nay, không hay bây giờ chàng đánh giặc nơi nào? Thương ôi! xưa nay những người đi tòng quân, tâu mang coi như cỏ, rác, nặng ân cơm áo, trả tới thịt xương.



đã biết bao nhiêu người chết vì việc nước, mồ non ký bóng trắng soi rọi, hồn sông Phì gió thổi điu hiu, cái linh hồn kia theo cùng luồng gió, bạn với bóng trắng, ai là người họa lai kẻ chinh-phụ, ai là người chiêu hồn kẻ tử-sĩ, nước non cảnh cũ, binh lửa dẫu xưa, kẻ hành-nhơn qua đó ai lại chẳng chạnh niềm thương xót. May còn người nào sống về chẵn nữa, thì cũng đã già với phong sương, kia như chàng Ban-Siêu đi đánh Tây-vực về thì đầu đã bạc. Chắc chàng đã trải qua biết bao nhiêu viên đạn mũi tên, biết bao nhiêu trắng ngàn gió bãi, đó cũng vì một chữ công danh, nên mới phải trăm đường dòn dĩa, chỉ những nhọc nhằn chớ đã được nghỉ ngơi chút nào đâu !

Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,

Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chơn mây.

Chú thích.— Thiếp ở trong chốn khuê-phòng mà chàng ở ngoài chiến-địa, sự khó nhọc của chàng, thì chàng biết nỗi thương nhớ của thiếp, thì thiếp hay, biết bày tỏ cùng ai được.

Trong cửa này đã đành phận thiếp,

Ngoài mây kia há kiếp chàng vay ?

Chú thích.— Thiếp là phận nhi-nữ ở trong khuê-phòng đã đành không hay cái số kiếp chàng thế nào mà phải đày đoạ ở chơn giới góc biên làm vậy ?

Những mong cá nước vui vầy,

Bao giờ đôi ngả, nước mây cách vời.

Chú thích.— Những mong phận đẹp duyên ưa cùng nhau hòa hiệp như cá gặp nước, ngờ đâu bây giờ nước mây cách vời, mỗi người một ngả như vậy.

*Thiếp chẳng tưởng ra người chính-phụ,
Chàng há từng học lũ Vương-tôn.*

Chính-phụ.— Vợ người đánh giặc.

Vương-tôn — Tên một người du-tử. Câu hát nước Sở :
« Vương-tôn du hề bất qui, phương thảo du hề bất qui »
Vương-tôn đi mãi không về, vườn xuân hoa cỏ bỗng hề
xanh xanh.

Chú thích.— Xưa kia thiếp không tưởng thân thiếp sẽ
nên một người chính-phụ, mà chàng cũng có tưởng học lũ
Vương-tôn đâu.

*Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người sớm thì hôm lại sầu.*

Chú thích.— Không hay vì đâu mà bây giờ nước non xa
cách, khiến cho người sớm nhớ rồi lại chiều trông ;

*Chàng phong lưu đang chèo thuyền thiêu,
Vớ nhau cùng đàn diu chữ duyên.
Nữ nào đôi lứa thiêu niên,
Quan-san để cách hàn huyên bao đành.*

Hàn huyên.— Khi lạnh, khi ấm.

Chú thích.— Chàng là một bực phong lưu tuổi trẻ,
cùng nhau sánh duyên chưa được bao lâu, nữ nào phải
chịu quan-san cách trở, khi ấm khi lạnh, không được thân
gần cùng nhau ?

*Thừa làm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về chỉ nẻo quyên ca.*

Lâm hành.— Khi ra đi.

Oanh.— Chim oanh vàng, về tiết tháng hai, hay nhảy nhót trên nhánh liễu.

Quyên ca.— Chim đồ quyên là chim quốc kêu về mùa hạ.

*Nay quyên đã giục oanh già,
Ý-nhi lại gáy trước nhà liu lo.*

Ý-nhi.— Chim ý-nhi nhảy nhót về đầu mùa thu.

Chú thích.— Khi chàng ra đi về tiết tháng hai. Chim oanh chưa nhảy nhót trên nhánh liễu, hỏi ngày nào về thì chàng hẹn đến độ quốc kêu là về mùa hạ; nay oanh đã già, quyên đã tới, chim ý-nhi đã gáy trước nhà, thế là hết hạ sang thu rồi mà chưa thấy chàng về.

*Thừa dâng đồ mai chưa dọn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.*

Dâng-dồ.— Lên đường, cũng như chữ « lâm-hành »

Mai.— Hoa mai, trở về tháng mười.

Đào bông.— Tháng hai cây đào có bông.

*Nay đào đã quyen gió đông,
Phù-dung lại đã bên sông bờ sừ.*

Chú thích.— Thuở chàng ra đi về tiết tháng hai mai chưa dọn gió, thiếp hỏi ngày về thì chàng hẹn đến độ có bông là tháng hai năm sau; nay đào đã hết, phù-dung đã tàn, thế là hết xuân sang hạ, mà vẫn chưa về.

*Hẹn cùng ta Lũng-tây-nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy tấm hơi.*

Lũng-tây-nham.— Gò đất phía tây.

*Ngập ngừng lá rụng cảnh trâm,
Buổi trưa nghe dậy tiếng cầm xôn xao.*

Trâm.— Trâm cài đầu.

Cầm.— Chim.

Chú thích.— Khi chàng ra đi, hẹn thiếp đón 3 Lũng-tây-nham, buổi sáng thiếp ra trông, nào thấy tăm hơi gì đâu, chỉ những lá rụng giắt vào cành trâm, chim kêu xôn xao trong bụi.

*Hẹn nơi nào, Hán-dương cầu nọ,
Chiều lại tìm nào có tiêu hao.*

Hán dương.— Phía nam sông Hán.

Tiêu hao.— Tin tức.

*Ngập ngừng gió thổi ào ào,
Bãi hôm tuôn chảy nước trào mênh-mông.*

Bào.— Áo mặc ngoài.

Trào.— Thủy triều.

Chú thích.— Khi chàng ra đi hẹn thiếp đón ở cầu Hán-dương, chiều đến thiếp lại ra trông, nào thấy tin tức chàng đâu, chỉ thấy ban hôm nước chảy rĩ rả trên bãi tuôn xuống, ban chiều nước lớn lên mênh-mông; gió thổi hiu hiu lạnh-lẽo.

*Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa-dương tàn đã trái rêu xanh.*

Hoa-dương.— Hoa cây dương liễu.

*Rêu xanh mây lộp chung quanh,
Bước đi một bước trăm tình ngàn ngơ.*

Chú thích.— Chàng thường gửi thơ hẹn về mà nào thấy đâu, trước sân hoa dương tàn đã mấy lần; rêu xanh mọc

đã mấy lớp, thời qua vật đổi, mà chàng vẫn chưa về, khiến thiếp dạo bước ngoài sân trông thấy cảnh vật mà trăm tình ngơ ngẩn.

Thơ thường tới người chưa thấy tới,

Bức rèm thưa, lặn dãi bóng dương.

Bóng dương.— Mặt trời là tượng thái dương.

Bóng dương mây buổi xiêu ngang,

Nhờ sao mười hẹn chín thường đón sai.

Chú thích.— Chàng thường gửi thơ hẹn về, mà sai hẹn không thấy về đâu; ngoài rèm (sáo) sớm bóng dương xiêu ngang, chiều chiều bóng dương soi rọi, ngày qua tháng lặn chàng vẫn chưa về, khiến thiếp lần lựa hôm mai đau lòng chờ đợi.

Thử tính lại diễn khơì ngày ấy,

Tiền sen này đã nảy là ba.

Diễn khơì.— Xa khơì.

Tiền sen.— (Hà-tiền) Cây liên-địa tiền lá tròn như đồng tiền, hình như lá sen, nên gọi là tiền sen, mỗi năm mọc một lần.

Nảy.— Mọc.

Chú thích.— Từ khi chàng ra đi tới nay cây tiền sen đã mọc ba lần, thế là đã ba năm rồi.

Xót người lặn lửa đi xa,

Xót người nương chôn Huỳnh-hoa dậm trường.

Huỳnh-hoa.— (Hoa-vàng), hoa cúc mọc về tháng chín. Ngày xưa diễn linh, cứ tháng chín năm nay đi, tháng chín năm sau về. Gọi là Huỳnh-hoa-thứ.

*Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão-thân khuê phụ nhớ thương.*

Gia thất.— Nhà cửa.

Lão-thân.— Cha mẹ già.

Khue-phụ.— Vợ ở chốn khuê-phòng.

Mẹ già phơ phất đầu sương,

Con thơ măng sữa vãi đương bù tri.

Đầu sương.— Mái tóc bạc như sương.

Bù tri.— Bồng âm.

Chú thích. — Ai không có cha già mẹ yếu, vợ đại con thơ, chàng có mẹ già cần phải phụng dưỡng, chàng có con thơ cần phải nuôi nấng.

Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa,

Miệng hài-nhi đương bữa sớm cơm.

Tựa cửa.—Vương-tôn-Giã thờ vua nước Tề khi vua Tề bị mất nước, Vương-tôn-Giã về thăm nhà, Bà mẹ dạy rằng : « Mọi khi con đi hẹn đến sớm về mà chưa về, thì mẹ dựa cửa mà trông, là trông cho con hết bốn phạm trung hiếu, yêu vua, yêu nước. Nay nước mất, vua phải trốn đi, con không đi lo toan, còn mặt nào về đây mà trông thấy mẹ nữa.

Hài-nhi.— Con thơ.

Ngọt bùi thiệp đỡ hiếu nam,

Dạy con đèn sách thiệp làm phụ-thân.

Ngọt bùi.— (Cam chỉ) miếng ngọt miếng bùi.

Hiếu nam.— Con trai hiếu thảo.

Phụ-thân.— Cha.

Chú thích.— Mẹ già lấy ai nuôi dưỡng, thiếp thay mặt chàng mà hôn sớm ngọt bù, con thơ lấy ai dạy bảo, thiếp thế chàng mà khuyên răn đèn sách.

(Từ hai câu này trở xuống người vợ kể sự khó nhọc của mình.)

*Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mắng mẽ biết bao.*

Mắng mẽ.— Bận rộn.

Chú thích.— Nay một mình thiếp, trên dưỡng mẹ già, dưới nuôi con dại, nỗi lo toan khác nhọc kể sao cho xiết.

*Nhớ chàng trái mấy sương sao,
Xuân từng đời mới, đông nào còn dư.*

Dư.— Thừa.

Chú thích.— Nhớ từ khi chàng ra đi tới nay, trái bao sương tuyết, vật đời sao đời, đông củ đã hết xuân mới đã qua.

*Kẻ năm đã ba tư cách diễn,
Môi sâu thêm ngàn vạn ngón ngang.*

Cách diễn.— Xa cách.

Chú thích.— Chàng ra đi đã ba bốn năm nay, nghĩ bao nhiêu lại thêm cực lòng bấy nhiêu.

*Ước gì gần gũi tác gang,
Dở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.*

Tác gang.— Chỉ xich.

Cay đắng.— Tân khổ.

Chú thích.— Ước gì thiếp được ở gần chàng để kể hết nỗi niềm cay đắng để chàng rõ.

*Thoa-cung-Hán, thưở ngày xuất giá,
Gương lâu Tần dẫu đã soi chung.*

Thoa cung Hán.— (Thoa) nút đeo tai, bông tai. Vua Vô-đế nhà Hán có nàng công-chúa tiên cho một đôi thoa ngọc-yến. Có một người cung nữ mưu ăn trộm cái thoa ấy, khi mở hộp ra thấy con yến trắng bay lên trời mất. Đây dùng chữ thoa cung Hán là nói cái thoa qui.

Xuất giá.— Ra lấy chồng, về nhà chồng.

Gương lâu Tần.— Vua Thủy-hoàng đời Tần có cái kiến soi thấy biết bụng kẻ ngay người gian; người con gái nào bất chánh, lấy cái kiến đó soi vào bụng, thì vỡ trái tim mà chết.

*Cây ai mà gởi tới cùng,
Để chàng thấu hết tâm lòng tương-tư.*

Tương-tư tương tư.— Cùng nhớ nhau.

Chú thích.— Đã không được gần gũi mà than thở cùng nhau, có đôi thoa kia là đồ nữ trang của thiếp khi về nhà chàng, cái kiến kia là của thiếp cùng chàng soi chung ngày trước, không biết cây ai gởi tới nơi chàng ở, cho chàng thấu biết cái lòng tương tư của thiếp.

*Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu thưở bé vui chơi.*

*Cây ai mà gởi tới nơi,
Để chàng trân-trọng dẫu người tương-thân.*

Trân trọng.— Lấy làm quý báu, yêu dấu.

Tương thân.— Cùng nhau yêu nhau.

Chú thích.— Có đôi nhẫn đeo tay của thiếp, mọi khi chàng thường hay ngắm nghía. Cái ngọc cài đầu của thiếp

thuở bé chàng với thiếp cùng vui chơi ; không biết cây ai
gởi lời nơi chàng ở để chàng trân-trọng cái dấu tích của
một người tương thân cùng chàng.

*Trái mây xuân tin đi tin lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không.*

Mây xuân.— Cũng như nói mấy năm.

Chú thích.— Trái mấy năm nay tin tức của chàng gởi về
luôn luôn, mà tới năm nay chưa có tin tức chi cả.

*Thây nhận luồng tương thơ phong,
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.*

Nhạn.— Chim hồng-nhạn. Đời Hán ông Tô-Vô đi sứ bên
Hung-nô. Hung-nô, bắt ông đày ra biển bắc, không thể
tin tức về Hán được. Ông bắt được con chim nhận, viết
một phong thơ buộc vào chân nhận rồi thả ra. Về sau vua
Hán đi bắn ở vườn Thượng-lâm, bắn được con nhận đó,
mới biết được tin ông bị đi đày, Truyện Kiều, có chữ
« tin nhận nhắn ».

Chú thích.— Trông mong tin chàng mà chưa thấy, thấy
chim nhận cũng tưởng có thơ chàng gởi về chăng. Nghe
hơi sương xuống thì đã sắm sửa áo bông sẵn sàng, độ khi
chàng về để chàng mặc.

*Gió tây nổi không đường hồng tiễn,
Xót cõi ngoài tuyết quén sương sa.*

Hồng.— Chim hồng nhận. Hai chữ « HỒNG-nhận » dùng
đi liền với nhau, hoặc dùng một chữ « hồng » hay một chữ
« nhận » cũng được, cũng đều dùng nói ý gởi thơ.

Quén.— Che, phủ.

Chú thích.— Về mùa có gió đông mới có chim hồng, bây giờ gió tây, không có chim hồng dặng gởi thơ cho chàng, nghĩ mà thương thay cho chàng bị tuyết quên sương sa ở ngoài muôn dặm.

*Màn sương trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.*

Chú thích.— Độ này về độ gió lạnh, mà chàng ở cõi ngoài, nằm vùng cát, ngủ cồn rêu, sương làm màn, tuyết làm trướng, nghĩ tới lạnh lẽo thay cho chàng.

*Đẽ chữ găm phong rồi lại mở,
Gieo bói tiên tin dở còn ngờ.*

Đẽ chữ găm.— Người Đậu-Thao đời Tấn đi thú ở Lusa. Vợ là Tô-thị dệt gấm làm một bài thơ dặng cho vua xin cho chồng về. Vua thương tình bèn cho Đậu-Thao về.

Chú thích.— Lòng thiếp thương nhớ chàng lắm, những toan bắt chước nàng Tô-Huệ dệt gấm dặng cho vua, xin cho chàng về nhưng không chắc có được không, nên đã niêm-phong định gởi rồi lại ngăn ngại mà mở ra; lại nhiều khi gieo bói tiên dặng coi lành dữ thế nào, thì quẻ bói ra nửa tin nửa ngờ, không hay có thiệt chẳng.

*Giời hôm tựa cửa ngẩn ngơ,
Trăng khuya vương gôi, bơ xờ tóc mai.*

Chú thích.— Chiều chiều lại tựa cửa trông chàng ngẩn ngơ, nào thấy chàng về đâu? Đêm thì bóng trăng rời rọi, ban cùng gôi lể, chẵn đơn, mái tóc bơ xờ, hồn mai thơ thần.

*Há như ai hôn say, bóng lẩn,
Bồng thơ thơ thần thần hư không.*

Chú thích.— Không phải bệnh hôn mê, mà khi không
bồng nên thơ thần như đại, như ngây.

*Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
Lêch vụng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.*

Chú thích.— Trâm không muốn cài, xiêm không muốn
giắt, mái tóc bờ xờ, lưng eo mồn mõi, đó cũng vì nỗi
thương nhớ mà bồng nên thơ thần làm vậy.

*Đạo hiên vắng thắm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa rủ thác đòi phen.*

Rủ.— Bỏ xuống.

Thác.— Cuốn lên.

Chú thích.— Không biết làm sao cho đỡ buồn được, chỉ
lững thững dạo bước ngoài hiên, rồi lại khi bỏ rèm xuống
khi cuốn rèm lên cho khuây khoả.

*Ngoài rèm thước chằng mạch tin
Trong rèm dường có bóng đèn biết chẳng?*

Thước.— Chim thước là một thứ chim báo tin mỗi khi
nhà người ta có sự gì lành dữ sẽ đến, thì có chim thước
bay tới trước nhà kêu mấy tiếng báo tin trước. Người
bắc hay gọi là chim khách, chữ nghĩa có khách sẽ tới
thì nó báo tin trước.

*Đèn có biết dường bằng không biết,
Lòng thiếp thêm bi thiết mà thôi.*

Chú thích.— Không hay đèn có biết nỗi mình chẳng !
mà nếu đèn có biết cho nữa cũng dường như không biết,
mà có đem lời chi mà an ủi mình được đâu ; trông thấy
bóng đèn lại khiến lòng thiếp thêm buồn rầu mà thôi.

*Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người há thương.*

Chú thích. — Buồn rầu trong bụng, nhưng không biết nói cùng ai, ngọn đèn thấp thoáng đối với bóng người thân thiết là đáng thương.

*Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.*

Trống. — Trống canh.

Hòe. — Cây hòe trồng trước sân. Truyện Kiều có chữ « sân hòe »

Chú thích. — Trống canh năm gà gáy eo óc, bốn bên sân hòe rủ phất phơ, trong khi buồn thì tai nghe mắt thấy cái gì cũng đều thêm sự buồn cho mình cả.

*Khắc trời đằng đằng mây niên,
Môi sâu dằng dặc tựa miền biển xa.*

Chú thích. — Trong lúc nhớ nhau thì một khắc lâu bằng mấy năm, mà môi sâu sâu như biển.

*Hương gượng đốt hồn đã mê mới,
Gương gượng soi lệ lại chưa chan.*

Lệ. — Nước mắt.

Chú thích. — Gượng đốt hương cho đỡ buồn, nhưng thấy mùi hương thì hồn đã mê mới ; Gượng soi kiến, nhưng trông vào kiến thì giọt nước mắt chảy ngay.

*Sắt, cầm gượng gảy ngón đàn,
Giây uyên kinh đứt, phím loạn ngại chàng.*

Giây uyên. — Chim uyên-ương con đực và con cái, bay cùng bay, đậu cùng đậu, khi ngủ thì giao đầu lại với nhau,

nên nói về duyên vợ chồng thường dùng chữ « đôi lứa uyên-ương ». Người xưa có đặt bài ca Uyên-ương-tử, hiệp vào đờn tì-bà; Đây dùng chữ « Giây-uyên » nghĩa là cái giây đờn gảy khúc hát uyên-ương.

Phim-loan.— Đờn Hán có người dâng vua một thứ keo loan (loan dao) dùng gắn phim đờn.

Chú thích.— Gượng gảy đờn, cầm lấy đờn thì phim loan dùng, giây uyên đứt.

(Bốn câu này nói : trong khi buồn thì không thể làm sao cho khuây được)

*Lòng này gửi gió đông có tiện,
Ngàn vàng xin gửi tới non Yên.*

Non Yên.— Núi Yên-nhiên.

Chú thích.— Lòng này nếu có thể gửi gió đông tới núi Yên-nhiên cho chàng được, thì dầu ngàn vàng cũng không tiếc.

*Non Yên dầu chẳng tới miền,
Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời.*

Chú thích.— Đã chẳng gửi tới non Yên được thì lòng nhớ chàng lại càng đằng đẵng như đường lên trời.

*Trời thăm thăm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đớn nào xong.*

Chú thích.— Lòng nhớ chàng đau đớn không bao giờ càng, khác nào đường lên trời thăm thăm không bao giờ thấu

*Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cảnh cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.*

Trùng.— Sâu.

Chú thích.— Người càng buồn rầu thì cảnh càng thiết tha, nhánh cây trong lúc sương đượm, thấy càng buồn rầu tiếng trùng trong lúc mưa phun nghe càng thấm thiết.

*Sương như búa bổ mòn vóc liễu,
Tuyết đường cưa bổ héo cành ngô.*

Ngô.— Cây ngô-dồng đến mùa thu thi rụng lá.

Chú thích.— Gốc liễu vì sương mà mòn, cành ngô vì tuyết mà héo trông thấy cây cỏ lại ngấm mình trái nỡ đắng cay khiến nên thân gầy vóc yếu.

*Giọt sương, phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, tiếng chùa nện khơi.*

Chú thích.— Tiếng sương giọt đầu nhánh pha với tiếng chim gù trong bụi, Tiếng sâu kêu bên tường, lẫn với tiếng chuông nện chùa xa, đêm vắng một mình, nghe những tiếng đó lại càng gọi lòng sầu thảm.

*Và tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.*

Tiêu.— Cây chuối.

Gió thốc.— Gió thổi lật lá.

Ốc.— Nhà.

Chú thích.— Rọi rọi bóng trăng ní non tiếng dế, chấp chờn gió thổi, xờ xác hàng tiêu. Cảnh ấy xiết bao buồn bã.

*Lá màn lay, ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa giãi nguyệt nguyệt im từng tâm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thấm từng bông.*

*Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết bao.*

Chú thích.— Ngọn gió xuyên ngang, lá màn rung động, bóng trăng rọi bóng hoa trên rèm; hoa giãi dưới nguyệt thì bóng nguyệt thành hoa; nguyệt chiếu trên hoa, thì vẻ hoa càng thắm. Than ôi! cùng lúc trước hoa dưới nguyệt, gặp người vui càng thêm vui, mà gặp người buồn lại thêm cảnh buồn, người rầu thì cảnh cũng rầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

*Đâu xiết kể trăm sầu nghìn nỗi,
Từ nữ-công, phụ-xảo đều người.*

Nữ công.— Mỹ-nghệ của đờn bà, như thêu thùa bánh trái v. v. *Phụ-xảo*: Đồ tinh xảo của đàn bà làm ra.

Chú thích.— Trăm sầu ngàn nỗi không kể hết được, những trông thấy cảnh vật mà buồn, cho đến cả phụ công, phụ xảo cũng đều biếng cả.

*Biêng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi then dẹt, bướm đôi then thừa.*

Chú thích.— Một mình vò vò, gổi chiếc chần đơn không được như loài bướm loài oanh, cùng nhau liền cánh chấp cánh, dẹt oanh đôi, thừa bướm đôi, mà nghĩ mình luôn những then thùng.

*Mặt biêng tô, miệng càng biêng nói,
Sớm lại chiều rồi rồi nương song.
Nương song lưỡng ngán ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phân trang hồng với ai?*

Song.— Cửa sổ.

Trang.— điếm trang.

Chú thích.— Sớm hôm tựa cửa ngõ ngân trông chồng, mặt không muốn tỏ, miệng không muốn nói, là vì chồng đi vắng thì tỏ hồng điếm phấn làm chi.

*Biếng trang điếm vì lòng sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi Giang-lăng.*

Giang-lăng.— Tên đất.

Chú thích.— Thương hại cho chàng đương dầm mưa dãi nắng ở ngoài Giang-lăng, kia thiếp còn nỗi lòng nào mà tỏ son điếm phấn.

*Khác nào ở Chức, chị Hằng,
Bến Ngân sùi-sụt, cung trăng chốc mòn.*

Ở Chức.— Bên đông sông Ngân-hà, có vì sao Chức-nữ (con gái dệt vải) là cháu của Thiên-đế, vốn siêng năng về đường nữ công. Về sau lấy vì sao Khiên-ngưu, rồi say mê về ái-tình, mà sanh ra biếng nhác. Thiên-đế giận bắt Khiên-ngưu ở bên tây sông, Ngân-hà, chức-nữ ở bên đông sông Ngân-hà, cứ mỗi năm cho tới ngày mồng bảy tháng bảy, được gặp nhau một lần mà thôi.

Bến Ngân.— Bến sông Ngân-hà, tức là đền Khiên-ngưu, và Chức-nữ.

Chị Hằng.— Hằng-nga. — Người Hậu-nghe được thứ thuốc . . . sống lâu không chết của tiên Vương-mẫu cho. Vợ là nàng Hằng-nga ăn trộm chạy lên cung trăng trốn.

Chốc mòn.— Trần trọc một mình.

Sùi sụt.— Khóc.

Chú thích.— Thân thiếp một mình ở chốn khuê-phòng, khác nào ở Chức sùi sụt ở bên sông Ngân, chị Hằng trần trọc ở trong cung nguyệt.

*Sầu ôm nặng, hãy chông làm gối,
Muộn ôm dầy, hãy thối làm cơm.*

Muộn. — Buồn rầu.

Chú thích. — Chắt sầu làm gối, thối muộn làm cơm, nghĩa là vì sầu não mà ngày quên ăn đêm quên ngủ.

*Muộn hoa, muộn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu lạt, muộn làm hoa ôi.*

Ôi. — Mất mùi hương

Chú thích. — Muốn muộn hoa, muộn rượu, dặng giải cơn buồn, nhưng sầu làm cho rượu lạt, muộn làm cho hoa ôi, cũng không thể giải buồn được.

*Gỗ sanh ngọc mây hôi không tiếng,
Ôm đòn tranh mây phiếm rời tay.*

Chú thích. — Đem sanh gỗ dặng giải phiền, mới được vài hồi, lại càng phiền mà gỗ không nên tiếng. Ôm đòn gậy dặng tiêu khiển, mới được mấy phiếm; lại càng buồn mà gậy đã ngang cung.

*Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa mong mỏi hết dầy lại voi.*

Hành dịch. — Đi làm việc quan, đi lính.

Chú thích. — Mỗi sầu dứt nỗi, nỗi thắm dầy voi, nghĩ tới người hành dịch ở ngoài dặm xa bấy nay lại càng thương xót.

*Ca quyên gheo, làm rơi nước mắt,
Trông tiêu khua, như đục buồng gan.*

Ca quyên. — Con quốc kêu.

Tiêu. — (Tiêu tự) chùa.

*Võ vàng đôi khác dong nhan,
Khuê-ly mới biết tân toan đường này.*

Dong nhan.— Nét mặt nhan sắc.

Khuê ly.— Li biệt.

Tân toan.— Cay chua.

Chú thích.— Vì nổi thương nhớ mà nhan sắc nên võ vàng kém xưa, cho nên biết có trái nổi biệt li mới tỏ niềm cay đắng.

Nêm chua cay tâm lòng mới tỏ,

Chua cay này há có vì ai.

Vì chàng để thiếp lẻ loi,

Vì chàng thân thiếp lẻ loi mọi bề.

Chú thích.— Vì chàng nên thiếp phải cay đắng, vì chàng nên thiếp phải lẻ loi, nói đi nói lại câu đó, bởi vì ái tình càng sâu nên trông mong càng thiết, trông mong càng thiết mà không thấy thì đem lòng hờn tủi, không phải là oán.

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,

Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.

Chú thích.— Thân thiếp chẳng gần dưới trướng, nước mắt thiếp không vướng bên khăn, thì chàng có thấu cái nỗi đau đớn của thiếp đâu.

Bui còn hồn mộng được gần,

Đêm đêm thường tới giang tân tìm người.

Giang tân.— Bến sông.

Chú thích.— Chỉ còn cái mộng hồn của thiếp đêm nào cũng . . . thấy tới bến sông tìm chàng vắng cùng chàng sum hiệp trong giấc chiêm bao mà thôi.

*Tìm chàng thuở Dương đài chôn cũ,
Gặp chàng nơi Tương-phổ bên xưa.*

Dương-đài.— Tên đền. Vua Tương-vương nước Sở nằm mộng thấy gặp người gái tiên ở đền Dương-đài.

Tương-phổ.— Chàng Huỳnh-sanh nằm mộng cùng đi chơi với một người nữ nhơn ở bên sông Tương-phổ.

*Sum vầy những lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gôi một giờ mộng xuân.*

Chú thích.— Đêm đêm thiếp mơ tưởng được gặp chàng ở nơi nọ nơi kia, nhưng đó chẳng qua là một giờ mộng xuân đó thôi.

*Giận thân thiếp lại không bằng mộng,
Theo cùng chàng bên Lũng thành Quan.*

Chú thích.— Giấc mộng kia còn được cùng chàng sum vầy đôi lúc, giận thân thiếp không được như giấc mộng đang tới bên Lũng, thành Quan mà gần gũi cùng chàng.

*Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muốn vãn cũng không.*

Chú thích.— Khi mơ màng được gặp chàng, đến khi tỉnh dậy lại tiếc mà lại giận sự được gặp chàng đó chẳng qua là trong lúc mơ màng đó thôi.

*Bui có một tâm lòng chẳng giứt,
Vôn theo chàng giờ khắc nào người.*

Bui — Chỉ có.

Chú thích.— Giấc mộng kia còn có khi tàn, nhưng lòng thiếp đeo đuổi cùng chàng không bao giờ nguôi.

*Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mây lúc trông với bánh xe.*

Chú thích. — Lòng thiếp theo chàng nhưng chưa được thấy lắm lúc lên gò cao đặng ngó trông coi xe chàng đã về chưa.

*Trông bên-nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, giâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mây xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước gành chiều hôm.*

Nhà thôn— Nhà người ta ở trong làng

Chú thích.— Trông sang nam, chỉ thấy trắng phơi bãi cát, xanh biếc rừng giâu, trong xóm chen chút mấy nhà lá trước gành chiều hôm một bầy cò đậu nào có thấy chàng đâu !

*Trông đàng bắc, đôi chòm quán khách
Rừng và cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi-thóp bên cồn
Nghe thoi ngọc-địch véo von bên lâu.*

Quán khách. — Nhà cho khách ngủ

Lúa thành. — Lúa tốt cao như bức thành.

Thoi thóp. — Chỗ cao chỗ thấp

Ngọc địch.— Ống sáo.

Chú thích.— Trông về phía bắc, chỉ thấy lơ-thơ quán khách, xanh ngắt núi non, lúa bên cồn thoi thóp, sáo bên lâu véo von, nào trông thấy chàng đâu !

*Non đông thấy lá hầu chắt đông,
Trĩ sập sè, mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.*

Trĩ. — Chim trĩ. Người chẵn trâu nước Tề tuổi già không có vợ, thấy chim trĩ con trống con mái theo nhau. Bèn làm khúc hát (trĩ-song-phi).

Sập sè. — Giáng chim bay

Bẻ bai. — Cành cây bị gió

Bạt. — Bị gió·thời xiêu lạc

Chú thích. — Trông về phía đông, chỉ thấy lá rơi chắt đống khói bay nghi ngút, cành mai phơ phất, chim trĩ sập sè, con chim bị gió thổi lạc loài, tiếng kêu ai oán trong đám sương mù, nào trông thấy chàng đâu !

*Lũng tây chảy nước như rồng uốn khúc,
Nhận liệng không, sóng đục thuyền câu.
Ngàn thông chen chóc khóm lau,
Cách gành thấp thoáng người đâu đi về.*

Lũng. — Chỗ khe chảy

Không. — Trên không gian

Gành. — Chỗ đầu núi chạy ra sông, biển

Chú thích. — Trông về phía tây, chỉ thấy giòng nước uốn quanh, trên không thì đàn nhận liệng vờ, dưới sông thì thuyền câu sóng vỗ, khóm lau chen chóc dưới ngàn thông, cách gành thấp thoáng người đi về, nào trông thấy chàng đâu !

*Trông bốn bề chân gòai mặt đất,
Lên xuống lâu thăm thoát đời phen.*

Chú thích. — Mỗi ngày lên lâu mấy lần dặng trông quanh bốn bề mà nào thấy chàng đâu.

*Lớp mây ngừng mắt khôn nhìn,
Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc-Quan.*

Ngọc-Quan. — Cửa Ngọc-Quan ở nơi giáp giới.

Chú thích.— Bốn bề bị lớp mây che lấp, không thể thấy miền Ngọc-quan là nơi chằng đưng chinh chiến được.

*Gậy rút đất giạn không học chước,
Khăn gieo cầu nào được thầy liền.*

Gậy rút đất.— Ông Phi-tràng - Phòng học với ông tiem Hồ công, được phép rút đất, lấy roi chỉ xuống đất, thì quãng đường xa ngàn dặm, như ở trước mắt, buông roi ra lại xa như cũ.

Khăn gieo cầu.— Trong truyện liệt tiên, lấy khăn thư bùa rồi buộc vào mình, còn một đầu liệng theo phương nơi người kia ở, đầu xa ngàn dặm, cũng có thể giây phút tới nơi được.

Chú thích.— Giạn mình không học được chước rút đất, phép gieo khăn, đặng thường được gần gũi cùng chàng.

*Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lâu.*

Hóa đá.— Chồng nàng Tô-thị là Tô-Huệ, đi lính không về, nàng lên núi đứng trông, hóa thành hòn đá. Về sau người ta gọi hòn đá ấy là (vọng phu thạch) đá trông chồng.

Chú thích.— Lên lâu trông mong, khóc hết nước mắt mà không thấy, lòng này chắc cũng có một ngày kia hóa ra hòn núi đá vọng phu vậy.

*Lúc ngảnh lại ngắm màu dương liễu,
Thời khuyên chàng đừng chịu trước phong.*

Dương liễu.— Cây dương liễu. Người con gái dương lúc tuổi trẻ, ví như cây dương liễu đương mùa xuân.

Chú thích.— Trông thấy cây dương liễu đương xuân tươi tốt, thì lại tiếc thắm, rằng: có biết vậy thì xưa kia

khuyên chàng đừng ham công danh mà bỏ tình gia-thất, đặng vợ chồng sum vầy cùng nhau, khỏi uổng phí thì giờ trong lúc đầu xanh tuổi trẻ này.

*Chẳng hay muôn dăm ruồi dong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng.*

Chú thích. — Không hay chàng ruồi dong ngoài muôn dăm, có nghĩ cũng một lòng nghĩ như thiếp chẳng.

*Lòng chàng ví cũng bằng như thê,
Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa.*

Chú thích. — Nếu lòng chàng cũng một lòng nghĩ như thiếp, thì thiếp còn dám oán hận chàng chi đâu.

*Hướng dương lòng thiếp như hoa,
Lòng chàng lặn thẳm e tà bóng dương*

Dương. — Mặt trời là tượng thái dương
Hướng dương. — Hoa qui cứ ngả theo bóng mặt trời.

Tà. — Xế.

Chú thích. — Lòng thiếp theo chàng, như bông qui theo bóng mặt trời, nhưng e lòng chàng không nghĩ chi đến thiếp, cũng như bóng mặt trời lặn, thì hoa qui biết ngả vào đâu !

Bóng dương để hoa vàng không đoái,

Hoa để vàng bởi tại bóng dương.

Hoa vàng hoa rụng quanh tường,

Trái xem hoa rụng đêm sương đã mấy lần.

Chú thích. — Hoa vàng, hoa rụng, đều bởi bóng dương, cái hoa vàng rụng ở quanh tường, kia còn tốt đẹp chỉ nữa, ôi ! bóng thái dương kia đã nở lòng không đoái tới hoa, làm cho hoa rụng đêm sương đã mấy lần rồi !

chàng không nghĩ tới thiếp, làm cho thiếp phải phai dào
ủ liễu tới nay cũng đã mấy niên rồi !

*Chồi lan nở trước sân đã hái,
Ngọn hồng tàn bên bãi đũa hương.*

Lan. — Lan nở về mùa xuân

Hồng tàn. — Hoa hồng tàn nở về mùa đông.

Hai câu này là nơi cảnh vật thay đổi.

*Sửa xiêm đạo bước tiền-đường,
Giữa trông xem về thiên-chương thần thờ.*

Tiền đường. — Hiên trước

Thiên chương. — Thiên văn

Bóng Ngân-hán khi mờ khi tỏ,

Độ Khuê-triển buổi có buổi không.

Ngân hán. — Sóng Ngân-hà về mùa thu thì tỏ, cuối
thu thì mờ.

Khue triển. — Mặt trời về mùa xuân hạ đứng vào phạm
đã sao khuê ; về thu, đông lại đứng về phạm đã sao khác.

Thức mây đời lúc nhạt nồng,

Chuôi sao Bắc-đầu thời đông lại đoài.

Chuôi sao Bắc-đầu. — Sao Bắc đầu có bảy cái xuân hạ thì
chuôi trở về phía đông, thu đông . . . chuôi trở về phía tây.

Đoài. — Phương tây.

Chú thích. — Trông cảnh vật thì lan đã tàn, hồng lại nở.
Trông thiên văn thì bóng sóng. Ngân đã mờ tỏ mấy lớp,
độ khuê-triển đã mấy phen có không : thức mây nồng rồi
lại nhạt, chuôi đầu đông rồi lại đoài, vật đổi thời qua mà
chàng vẫn chưa về.

Một năm một nhật mùi sơn phấn,
Trượng-phu còn thơ thần miễn khơi.

Trượng phu. — Người chồng.

Chú thích. — Xuân chẳng đợi người, sơn ngày một phai, phấn ngày một lạt, mà trượng-phu còn thơ thần ở ngoài dặm xa.

Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nở đé cách với Sâm, Thương.

Hình. — Hình một vật gì. Ảnh là bóng cái vật, hình ở đâu thì bóng ở đó, không bao giờ xa nhau.

Sâm. — Sao buổi hôm mọc về phương tây ;

Thương. — Sao buổi sáng mọc về phương đông, hai sao đó không bao giờ thấy nhau.

Chú thích. — Trước sao đôi ta không hề rời nhau như hình với bóng, bây giờ sao nở cách nhau, mỗi người một nơi sao Sâm với sao Thương.

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lâu cũ rêu in.

Hài. — Giày thêu của đàn bà đi.

Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỗ hết mây phen lương thời.

Lương thời. — Thì giờ tốt.

Chú thích. — Chàng ra đi một ngày một vắng, làm lỗ làng bao nhiêu thì-giờ tốt, nghĩ mà đáng thương,

Xây nhớ khi cành Diêu, đoá Nguyệt,
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.

Cành Diêu. — Nhà người Diêu-Sùng có trồng hoa rêu-đơn vàng.

Đoá.— Cảnh bông.

Đoá-Ngụy.— Nhà người Ngụy-nhơn trồng hoa mẫu đơn tía.

Chú thích.— Nhìn trông cây cỏ, kia đoá Ngụy đỏ, nọ cảnh-Diêu vàng, cùng nhau khoe tươi trước gió xuân.

*Nọ thì ả Chức chàng Ngưu,
Tới giăng thu lại bắc cầu sang sông.*

Ả-Chức. — Chức-nữ. Ngưu. — Ngưu-lang.

Chú thích.— Chức-nữ ở phía đông sông Ngân-hà. Khiên-ngưu ở phía tây sông Ngân-hà, mỗi năm đến ngày bảy tháng bảy qua sông cùng hội với nhau một lần.

Trông lên thiên vãn, kia ả Chức-nữ, nọ chàng Khiên-ngưu, cùng nhau vui vầy trong lúc giăng thu.

*Thương một kẻ phòng không luông giữ.
Thời-tiết lạnh nhằm nhớ đòi nau.*

Nau.— Phên

Chú thích. — Thương phận thiếp phòng không vô vô, làm lỡ biết bao nhiều thì giờ tốt, mùa xuân thì không được như hoa kia cỏ nọ, mùa thu thì không được ả Chức chàng Ngưu.

*Thoi đưa ngày tháng ruồi mau,
Người đời thâm thoát qua màu xuân xanh.
Xuân xanh để giận quanh ở dạ,
Hợp, ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhiều môi tơ bời,
Liều bỏ hầu để ép nài chiều xuân.*

Liều bỏ.— Một thứ cây rất yếu, chưa tới mùa thu đã vàng rụng, tỉ với đàn bà đa sầu.

Chú thích. — Ngày tháng thoi đưa, đời người thắm thoát ly nhiều hiệp ít, buồn quá hơn vui, tiếc thay thân phận liễu bờ, hầu để ép chúa xuân chờ đợi.

Kìa Văn quân mỹ miều thuở trước,

E đến khi đầu bạc mà thương.

Mặt hoa nọ gã Phan lang,

Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.

Văn-quân. — Nàng Trác-văn-quân là một người con gái có đủ tài sắc.

Phan-lang. — Chàng Phan-an là một người con trai rất đẹp.

Mặt hoa. — Khi già mắt trông không rõ.

Chú thích. — Dầu tài sắc đến như nàng Văn-quân, đẹp đến như chàng Phan-an mà đến khi tuổi già cũng chẳng ra gì.

Nghĩ nhan sắc dường chừng hoa nở.

Tiếc quang-âm lân lửa gieo qua,

Nghĩ mạng bạc, tiếc niên hoa,

Gái tơ mây lúc sẩy ra mẹ dòng.

Quang âm. — Bóng nắng, ngày tháng

Niên hoa. — Tuổi người ta trẻ rồi già cũng như hoa nở lại tàn.

Mẹ dòng. — Đàn bà đã nhiều tuổi.

Chú thích. — Nhan sắc đàn bà như bông hoa nở có một thì, nghĩ mà tiếc ngày cho người mạng bạc, gái tơ kia mấy lúc đã trở nên mẹ dòng, mà trong khi liễu yếu đào tơ lại trải qua nhiều nỗi biệt ly làm vậy.

Gác nguyệt nọ mơ màng về mặt,

Lầu hoa kia phảng phất mùi hương.

Chú thích.— Bước lên gác nguyệt lầu hoa, thiệp những mơ màng về mặt, phưởng phất mùi hương, tưởng dường như chàng ở đâu đó.

*Trách gười kia sao để lỗ làng,
Thiếp rầu phận thiệp, rầu chàng chẳng quên.*

Chú thích.— Trách ông trời kia sao nữ làm lỗ làng cái thì giờ tốt của đôi ta, thiệp rầu phận thiệp bao nhiêu thì lại rầu cho chàng bấy nhiêu.

*Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội
Cũng rập riu chẳng vội phân trương.*

Uyên.— Chim Uyên, Ương. Con đực gọi là Uyên, con cái gọi là Ương, hai con ấy đậu thì đậu đôi, bay thì bay đôi, khi ngủ thì giao cổ với nhau.

Phân trương.— Phân li.

Chú thích.— Kia coi chim uyên, ương ở ngoài đồng khi bay, khi đậu, cũng đều có đôi mà không nữ rời nhau.

*Chẳng xem chim yền trên lương,
Bạc đâu không nữ đôi đường rẽ nhau.*

Yến.— Chim sẻ

Lương.— Rường nhà

Chú thích.— Lại coi chim yến ở trên rường nhà, sống cùng nhau tới khi già cũng không bao giờ rẽ nhau.

*Kìa loài sâu hai đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chắp cánh cùng bay.*

Quản-sự-loại.— Có thứ sâu : một con có mắt mà không chơn, một con có chơn không mắt, hai con cứ dựa nhau mà đi.

Phượng nam có một thứ chim, mỗi con có một mắt một cánh, cứ cặp nhau mà bay gọi là chim kiêu kiêu.

Liễu sen là thức cỏ cây,

Đôi hoa cùng sánh, đôi giây cùng liền.

Chú thích. — Đời Chiến-quốc : Người Hàn-băng có vợ là Hà thị rất đẹp. Vua nước Tống giam Hàn-băng hiếp lấy Hà-thị. Hàn-băng tự sát, Hà-thị cũng chết, để thơ lại xin đem thây nàng táng chung với Hàn-băng. Vua Tống giận truyền chôn riêng. Về sau trên mỗi một cái má ấu đều sanh hai cây tử, dưới gốc thì rễ quăn với nhau, trên ngọn thì cành giao với nhau.

Sen. — Người Trương-liêm-Xuân lấy vợ cùng làng là Tào-Bích, khi có giặc đến phá thành, Trương vội vàng cùng Tào-Bích đi trốn, tới lúc nguy cấp, cùng nhảy xuống ao mà chết. Được hơn một năm, bỗng thấy trong ao đó sanh một thứ sen một đế mà hai bông, thơm tho dị thường.

Ấy loài vật tình duyên còn thế,

Sao kiếp người nữ đề đày đày.

Chú thích. — Nhỏ như loài sâu, loài chim, vô tri như loài liễu, loài sen, còn có ái-tình thân mật cùng nhau như vậy, kiếp người sao nữ đề kẻ đày người đày, lại không được như giống vật.

Thiếp xin về kiếp sau này,

Như chim liền cánh như cây liền cành.

Chú thích. — Kiếp này đã vậy, kiếp sau này thiếp xin làm chim liền cánh, cây liền cành, đặng sum vầy cùng nhau.

Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,

Theo kiếp này hơn thầy kiếp sau.

Chú thích. — Nhưng đã đành, thà chết mà được gặp nhau còn hơn sống mà lìa nhau ; nhưng, than ôi ! chết mà được gặp nhau chỉ bằng sống mà gặp nhau còn hơn.

*Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp xin giữ mãi lấy màu trẻ trung.*

Chú thích.— Vậy thiếp xin chúc cho chàng đừng già mà thiếp còn trẻ mãi, đừng cùng nhau sum hiệp kiếp này.

*Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp theo bên.
Chàng nường vừng nhứt phỉ nguyên,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.*

Nường vừng nhứt.— Ông vua vi như mặt trời, ông quan được gần vua vi như được gần mặt trời, được vẻ vang sáng sủa.

Đoạn này trở về sau nói : đã đành bảy giờ li-biệt như vậy, nhưng sau này chàng đánh được giặc, mà về, thì vui kia bỏ lúc buồn này, sẽ được cùng nhau yên hưởng phú quý cho tới già. Vậy xin chàng cứ bền lòng rán chí, lập lấy công danh, thiếp xin vì chàng mà giữ niềm hiếu trung cho được tròn vẹn.

*Lòng hira-quốc thắm son ngăn ngắt,
Sức vì dân dường sắt trơ trơ.*

Hira-quốc.— Lấy mình nạm cho nước

Chú thích.— Xin chàng vì nước mà thắm lòng son vì dân mà bền gan sắt.

*Máu Thuyền-vu, óc Nhục-chi,
Ây thì buổi uông, ây thì bữa ăn.*

Thuyền-vu.— Giặc đời Hạ.

Nhục-chi.— Giặc đời Đường.

Chú thích.— Khát lấy máu Thuyền-vu làm nước, đói lấy đầu Nhục-chi làm cơm, nói chí khí hăng hái kỳ giết hết giặc mới nghe.

Mũi đồng bác đòi lẩn hăm hờ,
Nguyện lòng trời phù hộ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.

Đồng bác.— Gươm, giáo làm bằng đồng.

Chú thích.— Nguyện trời phù hộ cho kẻ anh hùng, giúp chàng tránh khỏi mũi tên viên đạn, trăm trận thành công dặng mau mau gác dáo treo cung ra về.

Bóng kỳ xí dã ngoài quan-ải,
Tiếng khải-ca trở lại Thần-kinh.

Kỳ xí — Cờ.

Khải ca.— Đánh xong giặc, quan sĩ hát mừng ra về
Thần kinh. — Kinh đô nhà vua

Đình non bia đá để danh,
Triều thiên vào trước cung đình dăng công.

Triều thiên.— Vào triều vua
Cung đình.— Sân nơi cung điện

Chú thích.— Đánh được giặc rồi, giã từ quan ải, trở lại Thần-kinh, bia chép công dựng ở đầu non, sớ ghi công dựng trước cung điện.

Nước Ngân-hán viết đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ dáo dắc lừng khen.

Ngân hán.— Tức là ngân hà
Viết.— Phủ viết thuộc về loài gươm dáo

Nhạc từ.— Tấn-kịch, khúc hát, sau khi đánh được giặc rồi, có làm một tấn-kịch kể lại lịch sử trong lúc đánh giặc ấy để làm kỷ niệm.

*Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khổi, tượng truyền đài Lân.*

Tần. — Ông Tần-thúc-Bửu

Hoắc. — Ông Hoắc-phiêu-Diêu

Gác khổi.— Ông Tần-thúc-Bửu đời Đường có công đánh giặc, vua Thái-Tôn vẽ hình vào gác Lăng-Yên.

Đài lân.— Vua Tuyên-đế vẽ hình mười một người công-thần lên đài kỳ-lân có Ông Hoắc-phiêu-Diêu cũng được dự.

Nên huân tướng đại cân rạng vẻ,

Chữ đồng hưu bia đề ngàn đông.

Huân tướng.— Quan tướng có công lao huân nghiệp.

Đồng hưu. — Cùng với nước chung hưởng sự vui mừng.

Ơn trên từ Âm thê phong,

Phân vinh thiệp cũng được chung hương trời.

Từ ấm. — Con quan lớn được ấm sanh, ấm thọ.

Thê phong. — Vợ quan lớn được phong Mạg-phu.

Từ câu này trở lên đến câu : (Hộ chàng trăm trận thành công) nói sau khi đánh giặc thành công, chẳng những chàng được ghi công vào bia đá, và bài hát, vẽ hình lên đài Lân, gác Khổi, không kém gì Tần-Hoắc là người danh tướng đời xưa, mà còn con được ấm, vợ được phong, thiệp cũng được dự một phần vinh hiển.

Thiếp chẳng giai như người Tô-phụ,

Chàng chắc không như lũ Lạc-dương.

Tô-phụ.— Người Tô-tần đời Chiến-quốc Lúc dương còn hàn vi, mỗi khi đi về, vợ cứ ngồi trên khung cửi không thềm xuống. Sau làm tướng sáu nước, phú quý mà về thì vợ cửi nói chào mời vui vẻ.

Lạc dương.—Nơi dò hội phồn hoa.

Chú thích.— Thiếp đây không phải như vợ Tô-Tần, khi chồng hàn vi thì khinh dể, khi chồng phú quý mới vui vầy ; mà chắc chàng chẳng phải như kẻ bạc tình ở chốn phồn hoa, khi nghèo hèn thì vợ chồng có nhau, khi phú quý đem lòng phụ bạc.

*Khi về đeo quả ân vàng
Trên khung cửi xuống dây duông làm sao.
Xin vì chàng xếp bèo, cửi giáp,
Xin vì chàng dũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuộc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nẻo nùng.*

Bèo.— Áo chiến

Giáp.— id.

*Giở khăn lệ chàng trông từng tâm,
Đọc thơ sâu chàng thâm từ câu.*

Khăn lệ.— Khăn lau nước mắt

*Câu vui đôi với câu sâu,
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi nhời.*

Khà.— Khề khà

*Sẽ rót vơi lẫn lẫn đôi chén,
Sẽ ca lẫn len len từng liên.*

Liên.— Câu

*Liên ngâm, đôi ảm từng phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên tới già.*

Liên-ngâm.—Kẻ xướng người họa, cùng nhau ngâm vịnh

*Đổi-âm. — Ngồi đối nhau uống rượu
Cho bỏ lúc xa sâu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình.*

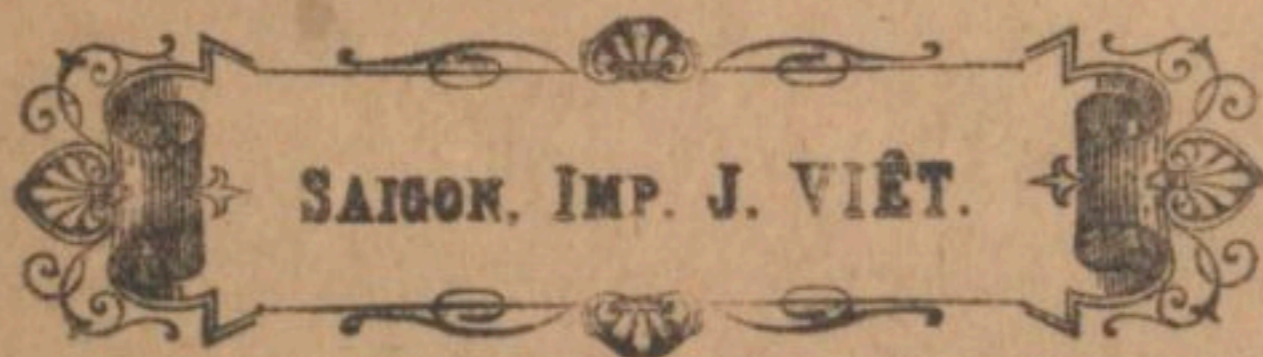
Từ câu này trở lên câu (Khi về đeo quả ấn vàng) nói :
sau này chàng về thiếp xin vì chàng xếp áo cởi xiêm, vì
chàng tô son điểm phấn, câu buồn đổi lấy câu vui, câu
thơ sánh cùng chén rượu, cùng nhau bách niên giai lão,
thiệt là từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

*Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Dường nấy âu hẳn tài lành trượng phu.*

Chú thích.— Gọi là có mấy lời gửi cùng chàng, tỏ tình
thương nhớ và lòng ước ao của thiếp, mong sao chàng
làm được như vậy mới đáng một bực trượng-phu.



CHUNG



Đã được biết rõ về những điều kiện
của đất đai và các nguồn tài nguyên
ở đây.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi
đã thu thập được nhiều tài liệu và
dữ liệu quan trọng về địa phương này.

Chúng tôi hy vọng rằng những kết quả
này sẽ góp phần vào việc hiểu biết
hơn về vùng đất này.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác và
hỗ trợ của các cơ quan chức năng
ở địa phương.

CHỖ CHỮ ĐÓNG

CHỖ CHỮ ĐÓNG

